

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HSST.
Ngày 18 tháng 12 năm 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm T lý số: 60/2020/TLST- HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; Trú tại: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1946; Con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Gia đình có 10 anh em, bị cáo là thứ 9; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 04/02/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng (ngày 20/01/2018 chấp hành xong).

- Ngày 04 tháng 9 năm 2018, bị Công an thành phố Nam Định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020, chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (có mặt).

Bị hại: Chị Trần Thị Hoàng N. Sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Quốc T, Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 3 giờ sáng ngày 01/7/2020 T được bạn chở về nhà anh Nguyễn Văn Tr ở xóm 8 xã Hải Trung huyện Hải Hậu để trông coi nhà. Do không có tiền ăn tiêu nên T nảy sinh ý định lợi dụng đêm khuya để trộm cắp tài sản. Khoảng 3 giờ 10 phút cùng ngày, bị cáo đi bộ một mình theo đường dọc xóm qua nhà anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị Hoàng N địa chỉ Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T là nhà mới xây, đang hoàn thiện, chưa lắp hệ thống cửa ra vào. Anh Quốc T không có nhà. Bị cáo quan sát thấy không có người liền trèo tường bao giáp công phía bắc. Khi vào đến hẻm ngăn cách giữa nhà anh Nguyễn Quốc T1 và nhà chị N, phát hiện có đoạn cành tre khô, bị cáo bẻ một đoạn dài khoảng 20cm, đường kính khoảng 0,4cm cầm trên tay. T quan sát nhà chị N thấy phòng ngủ tầng 1 lắp cửa khung nhôm kính đang đóng. Bị cáo dùng tay vặn nùm cửa thì mở được, quan sát trong phòng ngủ thấy chị N và cháu Nguyễn Ngọc Anh T đang ngủ. T đi đến bàn trang điểm lục lợi nhưng không có tài sản có gì. Thấy tiếng động, chị N tỉnh giấc nhưng do sợ hãi nên nằm im quan sát. T đi đến giường ngủ, chị N sợ hãi vùng dậy, T gần giọng đe dọa: “Im đi, tao cầm dao đây, hét lên tao đâm chết”, T cầm đoạn cành tre dí vào cổ chị N hỏi: “Có cái gì không, tiền đâu”. Chị N nhận ra T, nghĩ rằng T cầm dao thật nên rất lo sợ, trả lời T không có tiền. T hỏi: “điện thoại đâu”, chị N trả lời: “điện thoại em sạc ở kia” và chỉ về phía đầu giường. T với tay về phía đầu giường ngủ cầm điện thoại Iphone 6 rút dây sạc, tháo ốp vỏ vứt xuống giường. Bị cáo hỏi chị N mật khẩu mở khóa màn hình và mật khẩu Icloud của điện thoại. Bị cáo hỏi: “Còn gì không”, chị N trả lời: “Không còn gì”. Chị N đưa tay cầu cứu cháu Anh T tỉnh giấc, khóc to. T bảo chị N ru con ngủ sau đó bị cáo lại đưa đoạn cành tre cầm trên tay phải dí vào cổ chị N, tay trái luồn qua cổ áo phát hiện sợi dây chuyền bằng bạc. T giật đứt sợi dây chuyền bỏ vào túi quần, nói: “Không được hô lên”. T bước xuống giường nói chị N: “Không được hét lên” rồi ra ngoài trèo qua tường bao tẩu thoát, đi bộ ra đường về nhà. Trên đường về T vứt đoạn cành tre dùng để đe dọa chị N.

Sau khi T về, chị N mở cửa sang báo cho anh T1 và gia đình biết. Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Quốc T cùng anh T1 đến nhà T hỏi về việc đe dọa chị N nhưng T không thừa nhận. Biết bị phát hiện, bị cáo mang theo điện thoại Iphone 6 và sợi dây chuyền bạc chiếm đoạt được đi bộ theo đường sông Ninh Cơ đến cầu

Lạc Quần bắt xe khách lên thành phố Hà Nội trốn. Khi đang đợi xe khách, bị cáo gặp và bán chiếc điện thoại Iphone 6 cho người đàn ông đang đứng chờ đón người nhà với giá 120.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Đối với đoạn cành tre khô hình tròn dài khoảng 20cm, đường kính khoảng 0,4cm dùng đe dọa chiếm đoạt tài sản của chị N bị cáo đã vứt trên đường về, cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6, bị cáo bán cho người đàn ông không quen biết nên không xác định được là ai nên không thu giữ được.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh đã tiến hành điều tra, khám nghiệm hiện trường, đối chất, thực nghiệm điều tra vụ án.

Vật chứng: Thu giữ trên người bị cáo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc.

Ngày 10/7/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trực Ninh đã kết luận: Chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 6 có giá là 1.500.000 đồng và sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc có giá là 150.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình T đã nộp số tiền 1.500.000 đồng. CQĐT đã trả lại cho chị N số tiền 1.500.000 đồng, 01 dây chuyền kim loại màu bạc. Chị N nhận đủ tiền không yêu cầu bồi thường thêm gì và có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKS-KSĐT ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nhận xét nêu trên, bị cáo ăn năn hối cải, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị HĐXX tuyên bố, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Cướp tài sản” Căn cứ theo khoản 1 Điều 168 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt Nguyễn Văn T từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho chị Trần Thị Hoàng N số tiền 1.500.000 đồng và trả lại 01 dây chuyền kim loại màu bạc. Chị N nhận đủ tiền không yêu cầu bồi thường thêm gì, có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trục Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo của bị hại; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Biên bản thực nghiệm điều tra; Biên bản đối chất; Lời khai của nhân chứng, vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/7/2020 tại nhà ở của anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị Hoàng N tại Tổ dân phố P thị trấn C huyện T, Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng cành tre khô kích thước khoảng 20 x 0,4cm giả làm dao, đe dọa chị N nếu tri hô hay chống cự sẽ bị đâm chết làm chị N khiếp sợ, không dám chống cự. Bị cáo đã chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 6 trị giá 1.500.000 đồng và 01 dây chuyền kim loại màu bạc trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị N là 1.650.000 đồng.

Hành vi đột nhập vào nhà chị N đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc uy hiếp tinh thần, sức khỏe, tính mạng của chị N nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo T là rất nguy hiểm, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS, như cáo trạng của VKSND huyện Trục Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội tại địa phương, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác là khách

thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc cướp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng đã cố tình thực hiện. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như việc phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị N nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Cướp tài sản”.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 168 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (03/7/2020).

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, các Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định (1 bản);
- VKSND huyện Trực Ninh (2 bản);
- Công an huyện Trực Ninh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh (1 bản);
- UBND xã (1 bản);
- Lưu HSVA (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh